**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 4**

Từ ngày 25/09/2023 đến ngày 29/9/2023

**Cách ngôn: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn** | **Tên bài giảng** |
| **Hai** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **HĐTT**  **Tập đọc**  **Toán**  **Chính tả** | **Chào cờ**  **Những con sếu bằng giấy**  **Ôn tập và bổ sung về giải toán.**  **Anh bộ đội cụ Hồ gốc Bỉ** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Lịch sử**  **LTVC**  **KChuyện** | **Xã hội VN cuối TK XIX – đầu TK XX**  **Từ trái nghĩa**  **Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai** |
| **Ba** |
| **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **Khoa học**  **TLV**  **/** | **Luyện tập**  **Từ tuổi vị thành niên đến tuổi già**  **Luyện tập tả cảnh** |
| **Chiều** |  |  |  |
| **Tư** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **/**  **/**  **Tập đọc**  **Toán** | **Bài ca về trái đất**  **Ôn tập và bổ sung về giải toán ( tt )** |
| **Chiều** |  |  |  |
| **Năm** | **Sáng** | **1**  **2**  **3**  **4** | **Toán**  **LT&C**  **Địa lý**  **Khoa học** | **Luyện tập**  **Luyện tập về từ trái nghĩa**  **Sông ngòi**  **Vệ sinh ở tuổi dậy thì** |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **HĐTT**  **TLV**  **Kĩ Thuật** | **CSM: Đôi mắt và cách chăm sóc ( Tiết 1)**  **Tả cảnh ( KTV )**  **Sử dụng tủ lạnh ( tiết 2 )** |
| **Sáu** | **Sáng** | **/** | **/** |  |
| **Chiều** | **1**  **2**  **3** | **Toán**  **HĐTT**  **Đạo đức** | **Luyện tập chung**  **Đọc sách**  **Có chí thì nên ( Tiết 2 )** |

**Thứ Hai,25/09/2023**

**Tập đọc :** Tiết 7 ***NHỮNG CON SẾU BẰNG GIẤY***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu ý chính bài: Tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân, thể hiện khát vọng sống, khát vọng hoà bình của trẻ em.

- Trả lời được các câu hỏi 1,2,3. HS NK trả lời câu hỏi 4.

- Viết được đoạn văn ngắn nêu ý kiến ( giải thích ) về hiện tượng xã hội (CV 3799)

- Đọc đúng tên người, tên địa lý nước ngoài trong bài ; bước đầu đọc diễn cảm được bài văn .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu chuộng hòa bình, ghét chiến tranh.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3, HĐ4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, bảng phụ viết sẵn đoạn 3 cần hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.

- HS: Đọc tr­ước bài, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho học sinh thi đọc phân vai vở kịch.  - Nêu ý nghĩa vở kịch .  - GV cho HS xem tranh .  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (28 phút)**  **Hoạt động 1:** Đọc văn bản(14 ph  **-** GV chia 4 đoạn .  - Luyện đọc từ ngữ khó, câu khó  -HD giải nghĩa từ:  -Đọc diễn cảm cả bài  **H/ động 2:** Tìm hiểu nội dung(14 ph)  Câu 1:Xa-da-cô bị nhiễm phóng xạ nguyên tử khi nào?  Câu 2:Cô bé hi vọng kéo dài cuộc sống của mình bằng cách nào ?  Câu 3: Các bạn nhỏ đã làm gì để tỏ tình đoàn kết với Xa-da-cô ?  - Các bạn nhỏ đã làm gì để bày tỏ nguyện vọng hoà bình ?  Câu 4: HSNK: Nếu được đứng trước tượng đài, em sẽ nói gì với Xa-xa-cô.  \* Ý nghĩa: Câu chuyện muốn nói với các em điều gì ?  **3. Luyện tập:LĐ diễn cảm (5 phút )**  - HDHS đọc diễn cảm đoạn 3 .  - Cho HS thi đọc diễn cảm  **4. Vận dụng (3 phút )**  - Hãy tưởng tượng em sang thăm nước Nhật và sẽ đến trước tượng đài Xa-xa-cô. Em muốn nói gì với Xa-xa-cô để tỏ tình đoàn kết của trẻ em khắp năm châu và khát vọng thế giới được sống cuộc sống hòa bình? Hãy viết đoạn văn ghi lại những điều em muốn nói  - Em sẽ làm gì để bảo vệ hòa bình trên trái đất này ?  - Nhận xét tiết học . | - 2 nhóm HS thi đọc bài và trả lời câu hỏi  - HS xem tranh .  - HS đọc nối tiếp 4 đoạn .  - Luyện đọc những số liệu, từ ngữ khó đọc: *100.000 người, Hi-rô-si-ma, Na-ga-da-ki, Xa-da-cô Xa-xa-ki*.  - Giải nghĩa từ: bom nguyên tử, phóng xạ nguyên tử, truyền thuyết .  - Khi chính phủ Mĩ ra lệnh ném 2 quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.  - Cô tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con sếu bằng giấy treo quanh phòng thì sẽ khỏi bệnh nên ngày nào Xa-da-cô cũng gấp sếu giấy.  - Các bạn nhỏ đã gấp sếu gửi tới cho Xa-da-cô.  - Đã quyên góp tiền xây tượng đài tưởng nhớ những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại. Chân tượng đài khắc những dòng chữ thể hiện nguyện vọng của các bạn: mong muốn cho thế giới này mãi mãi hòa bình.  - Chúng tôi căm ghét chiến tranh ./Cái chết của bạn làm chúng tôi hiểu sự tàn bạo của chiến tranh ./ ....  - *Tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân, thể hiện khát vọng sống, khát vọng hòa bình của trẻ em.*  - HS luyện đọc diễn cảm .  - Thi đọc diễn cảm  - HS viết và trình bày (khoảng 2-3 câu)  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán** ( tiết 16):

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN ( tr.18 )**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Biết một dạng quan hệ tỉ lệ ( đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương đương cũng gấp lên bấy nhiêu lần ).

- Biết giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*- Bài tập cần làm: Bài 1.* *HS năng khiếu làm BT2; BT3/19*

- Rèn kĩ năng giải dạng toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán ( Bài 1 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC*:*** GV: Sách giáo khoa, bảng phụ. HS: Sách giáo khoa.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy của GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1. Khởi động: (5 phút)**  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Gọi thuyền" với các câu hỏi sau:  + Nêu các bước giải bài toán tổng tỉ ?  + Nêu các bước giải bài toán hiệu tỉ ?  + Cách giải 2 dạng toán này có gì giống và khác nhau ?  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Khám phá: ( 20 ph )**  **\* HĐ1: *Giới thiệu VD dẫn đến quan hệ tỉ lệ. ( 5 ph )***  - GV nêu ví dụ trong SGK để HS tự tìm quãng đường đi được trong 1 giờ, 2 giờ, 3 giờ, rồi ghi kết quả vào bảng.  - GV gợi ý:  +1 giờ người đó đi bao nhiêu km? +2 giờ người đó đi bao nhiêu km?  + 2 giờ gấp mấy lần 1 giờ? 8 km gấp mấy lần 4 km ?  + Như vậy khi thời gian đi gấp lên 2 lần thì quãng đường đi được gấp lên mấy lần?  - GV kết luận.  **\*HĐ2:** ***Giới thiệu bài toán và cách giải.***  ***( 15 ph )***  - GV nêu bài toán.  *Cách 1*: ***“ Rút về đơn vị****”*  Tóm tắt: 2 giờ : 90km  4giờ : ?km  + Trong 1 giờ ô tô đi được bao nhiêu km?  +Trong 4 giờ ô tô đi được bao nhiêu km?  **\* GV nhấn mạnh: (\*) Bước này là bước rút về đơn vị .**  *Cách 2:* ***“Tìm tỉ số”***  + 4 giờ gấp mấy lần 2 giờ?  + Như vậy quãng đường đi được sẽ gấp lên mấy lần?  + Từ đó sẽ tìm được quãng đường đi được trong 4 giờ.  **\* GV nhấn mạnh: (\*) Bước này là bước tìm tỉ số .**  - GV nhắc nhở HS có thể chọn 1 trong 2 cách.  **3. Luyện tập thực hành. ( 13ph )**  *Bài 1 : ( 13 ph )*  - *Gợi ý:* Giải bằng cách“rút về đơn vị"  *Bài 2; 3:* **Dành cho HS năng khiếu**  **4.** **Củng cố và dặn dò**: ( 2 ph )  + Giải toán về mối quan hệ tỉ lệ có mấy cách giải?  - Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS chơi trò chơi.  - HS nghe  - HS ghi vở  - HS quan sát bảng rồi nêu nhận xét:  + 1 giờ người đó đi 4 km  + 2 giờ người đó đi 8 km  + 2 giờ gấp 1 giờ 2 lần; 8 km gấp mấy lần 4 km 2 lần.  + Khi thời gian đi gấp lên 2 lần thì quãng đường đi được gấp lên 2 lần  - HS nêu nhận xét.  - HS tự giải bài toán theo nhóm đôi.  + 90 : 2 = 45(km) (\*)  + 45 × 4 = 180 (km)  + 4 : 2 = 2 ( lần) (\*)  + 2 lần  + 90 × 2 = 180(km)  **\* ( cá nhân )**  - Đọc đề, tóm tắt đề, làm vở.  - HS nhận xét bài bạn và sửa bài.  Tóm tắt: 5m vải : 80000 đồng  7m vải : ? đồng  Bài giải: 80000 : 5 = 16000(đồng)  16000 x 7 = 112000(đồng)  - HS phát biểu. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Chính tả** : (Nghe viết) Tiết 4 ***ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ GỐC BỈ***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Viết đúng bài chính tả ; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi .

- Nắm chắc mô hình cấu tạo vần và quy tắc ghi dấu thanh trong tiếng có ia , iê ( BT2 , BT3 )

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( HĐ1, HĐ3, BT2, BT3 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( HĐ 2, BT2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bút dạ, phiếu phô tô sẵn mô hình cấu tạo vần.

- HS: Bảng con, vở, SGK...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(3 phút)**  - Cho HS thi phân tích phần vần của các tiếng sau:  *Em yêu tất cả , sắc màu quê hương .*  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 25 phút )**  **Hoạt động 1:**  **HD viết chính tả**  - Đọc bài viết .  - Nêu nội dung đoạn văn ?  - HD viết từ ngữ khó: yêu cầu HS nêu các cụm từ ngữ dễ viết sai .  - GV hư­­­­­­­­ớng dẫn cách viết các từ ngữ khó viết  - GV hướng dẫn cách trình bày bài  **Hoạt động 2: HĐ viết bài chính tả**  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  **Hoạt động 3:** **Chấm bài, nhận xét**  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS.  **3. Luyện tập, thực hành (8 ph)**  Bài tập 2 : ( HĐ nhóm 2 )  - Nêu yêu cầu.  - Yêu cầu điền vần và dấu thanh vào mô hình  - Cho biết **nghĩa** và **chiến** có gì khác nhau trong cấu tạo vần?  Bài tập 3: ( HĐ cá nhân)  - Đọc đề , nêu yêu cầu  - Dấu thanh của các tiếng này phải đặt ở đâu?  - Gợi ý HS rút kết luận :  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Học quy tắc ghi dấu thanh  **-** Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai  - Nhận xét tiết học | - 2 HS thi phân tích  - Đọc thầm SGK.  - Ca ngợi tinh thần bất khuất, tình hữu nghị của người lính Phrăng Đơ Bô-en.  - Phăng Đơ Bô – en , xâm lược , khuất phục, Phan Lăng, bèn, …  - HS luyện viết bảng con  - HS lắng nghe  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả  - Chấm lỗi theo cặp .  - Thu bài chấm  - HS nghe  -Chép vần của tiếng **nghĩa** và tiếng **chiến** vào mô hình cấu tạo vần   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiếng | Vần | | | | Âm đệm | Âm chính | Âm cuối | | nghĩa |  | ia |  | | chiến |  | iê | n |   - **Nghĩa:** Không có âm cuối.  - **Chiến :** có âm cuối.  - Nêu quy tắc ghi dấu thanh ở tiếng **nghĩa** và tiếng **chiến** .  - **Nghĩa** ( không có âm cuối) : Dấu thanh đặt ở chữ cái đầu ghi nguyên âm đôi .  -**Chiến**( có âm cuối) : Dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 2 ghi nguyên âm đôi.  - Kết luận: dấu thanh đặt ở âm chính  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử:**

**XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

*-* Biết một vài điểm mới về tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX.

*-* Nêu được các điểm mới về tình hình kinh tế - xã hội VN đầu thế kỉ XX.

*-* Bồi dưỡng lòng say mê lịch sử nước nhà.

- HSNK:

+ Biết được nguyên nhân của sự biến đổi kinh tế- xã hội nước ta: do chính sách tăng cường khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

+ Nắm được mối quan hệ giữa sự xuất hiện những ngành kinh tế mới đã tạo ra các tầng lớp, giai cấp mới trong xã hội.

2. Phẩm chất, năng lực:

- HS có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong các hoạt động. Giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử (HĐ 1,2), năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn (củng cố, dặn dò).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Hình minh hoạ SGK, tranh ảnh tư liệu về kinh tế, xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Cho HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau:  + Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc phản công ở kinh thành Huế ngày 5/7/1885?  + Cuộc phản công có tác dụng gì đến lịch sử nước ta?  + Cuộc phản công này gắn với những nhân vật lịch sử nào ?  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi    - HS lắng nghe  - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động khám phá: (30 phút) | |
| *\* Hoạt động 1: Những thay đổi của nền kinh tế Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20*  -Trước khi thực dân Pháp xâm lược nền kinh tế Việt Nam có những ngành nào là chủ yếu?  - Sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị ở Việt Nam, chúng đã thi hành những biện pháp nào để khai thác, bóc lột, vơ vét tài nguyên của nước ta? Những việc làm đó đã dẫn đến sự ra đời của những ngành kinh tế mới nào?  - Ai được thừa hưởng những quyền lợi do sự phát triển kinh tế?  - Yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến.  - Giáo viên kết luận.  *\* Hoạt động 2:* *Những thay đổi trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 và đời sống của nhân dân*.  - Chia học sinh thành nhóm 4 với các câu hỏi:  +Trước khi thực dân Pháp xâm lược, xã hội Việt Nam có những tầng lớp nào?  + Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị ở Việt Nam xã hội Việt Nam có gì thay đổi? Có thêm những tầng lớp mới nào?  + Nêu những nét chính về đời sống của công nhân và nông dân Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20?  - Giáo viên tổng kết lại những ý học sinh trả lời,  khắc sâu kiến thức và rút ra bài học.  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - Nguyên nhân nào dẫn đến sự biến đổi kinh tế  - xã hội nước ta?  - Nhận xét tiết học. | - Học sinh đọc SGK, quan sát hình minh hoạ để trả lời câu hỏi.  - Nông nghiệp là chủ yếu, tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển.  - Xây nhà máy điện, nước, xi măng...  - Cướp đất của nhân dân.  - Lần đầu tiên có đường ô tô, đường ray xe lửa.  - Pháp  - HS phát biểu  - HS nghe  - Học sinh thảo luận nhóm, chia sẻ trước lớp  + Có 2 giai cấp: địa chủ phong kiến và nhân dân.  + Xuất hiện ngành kinh tế mới =>kéo theo sự thay đổi của xã hội.  + Thành thị phát triển có tầng lớp mới: viên chức, trí thức, chủ xưởng, giai cấp công nhân.  + Nông dân mất ruộng đói nghèo phải vào làm thuê trong các nhà máy, xí nghiệp. Đời sống cực khổ.  - 2 HS nêu bài học.  - Do thực dân Pháp xâm lược nước ta. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Luyện từ và câu:** Tiết 7 ***TỪ TRÁI NGHĨA***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Bước đầu hiểu thế nào là từ trái nghĩa, tác dụng của những từ trái nghĩa khi dặt cạnh nhau ( ND ghi nhớ ) .

- Nhận biết được cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ , tục ngữ ( BT1 ) ; biết tìm từ trái nghĩa với từ cho trước ( BT2 , BT3 ) .

- HSNK đặt được 2 câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa (BT4 ).

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Tích cực học tập, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( BT1, BT2, BT3)

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( B2, BT3)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

+ GV: - Phô tô vài trang Từ điển tiếng Việt.

- Bảng lớp viết nội dung BT1,2,3- phần Luyện tập.

+ HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức thi đọc đoạn văn miêu tả màu sắc đẹp của những sự vật ( Bài 3/33).  - Thế nào là từ đồng nghĩa?  **2. Khám phá( 17 phút )**  a/Phần nhận xét:  Bài 1: Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS so sánh .  - phi nghĩa và chính nghĩa là hai từ có nghĩa trái ngược nhau . Đó là những từ trái nghĩa.  Bài 2: - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS tìm từ trái nghĩa .  Bài 3:  - Cách dùng các từ trái nghĩa trong câu tục ngữ trên có tác dụng như thế nào ?  **-**Rút ghi nhớ, tìm ví dụ  b/ Phần ghi nhớ  **3. Luyện tập, thực hành ( 15 phút )**  Bài 1: ( HĐ nhóm 4)  - Cho HS đọc yêu cầu của BT1  - Cho HS tìm các cặp từ trái nghĩa trong các câu a,b,c .  Bài 2: (HĐ nhóm 2 )  - Cho HS đọc yêu cầu của BT  - Cho HS trình bày kết quả  Bài 3: ( HĐ cá nhân)  - Cho HS đọc yêu cầu của BT  - Cho HS trình bày kết quả  Bài 4: (HS năng khiếu) Đặt 2 câu để phân biệt 1 cặp từ trái nghĩa vừa tìm được ở BT3 .  **\*Củng cố, dặn dò**  **( 2 phút )**  - Thế nào là từ trái nghĩa? Cho VD  - Chia sẻ với mọi người về các từ trái nghĩa  - Nhận xét tiết học | - HS thi đọc, nêu các từ đồng nghĩa đã sử dụng trong đoạn văn đó.  - So sánh nghĩa các từ: chính nghĩa ; phi nghĩa .  -Thảo luận nhóm 2  +Phi nghĩa là trái với đạo lí.  +Chính nghĩa là đúng với đạo lí.  -Tìm những từ trái nghĩa với nhau trong câu tục ngữ .  - sống/ chết ; vinh/ nhục  ( vinh: được kính trọng, đánh giá cao; nhục: xấu hổ vì bị khinh bỉ ).  - Tạo ra hai vế tương phản, làm nổi bật quan niệm sống cao đẹp của ngườiViệt Nam – thà chết mà được tiếng thơm còn hơn sống mà bị người đời khi bỉ .  - HS đọc ghi nhớ (SGK) .  - Tìm những cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ .  -Thảo luận nhóm 2  - Đục / trong ; đen / sáng; rách / lành; dở / hay.  - Điền vào mỗi ô trống 1 từ trái nghĩa với từ in đậm .  - Hẹp / rộng; xấu / đẹp; trên / dưới.  - Tìm các từ trái nghĩa với từ đã cho .  +Hoà bình /chiến tranh, xung đột.  +Thương yêu /căm ghét, căm giận, căm thù.  +Đoàn kết / chia rẽ , bè phái, xung khắc…  +Giữ gìn / phá hoại , phá phách……  - Đọc đề và xác định yêu cầu  + Những người tốt trên thế giới yêu **hoà bình**. Những kẻ ác thích **chiến tranh.**  + Chúng em ai cũng yêu **hoà bình** ,ghét **chiến tranh.**  **+** Chúng em phải biết **giữ gìn**, không được **phá hoại** môi trường .  - 2 HS nêu .  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kể chuyện:** Tiết 4 ***TIẾNG VĨ CẦM Ở MỸ LAI***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu được ý nghĩa *: Ca ngợi người Mỹ có lương tâm dũng cảm đã ngăn chặn và tố cáo tội ác của quân đội Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.*

- Dựa vào lời kể của GV, hình ảnh được minh họa và lời thuyết minh , kể lại được câu chuyện đúng ý , ngắn gọn , rõ các chi tiết trong truyện .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục hòa bình, ghét chiến tranh.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ ( BT1,2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

+ GV: - Các hình ảnh minh họa trong SGK

- Bảng lớp viết sẵn ngày,tháng, năm xảy ra vụ thảm sát Sơn Mỹ ( 16-3-1968 ), tên những người Mỹ trong câu chuyện .

+ HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của HS** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức thi: Kể lại một việc làm tốt góp phần xây dựng quê hương đất nước của một người em biết.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: ( 10 phút )**  *HD HS tìm hiểu câu chuyện*  - Kể lần 1 kết hợp chỉ lên các dòng chữ ghi ngày tháng, tên, chức vụ của các lính Mỹ.  - Kể lần 2 kết hợp chỉ tranh minh hoạ.  **3. Luyện tập, thực hành** (22 ph)  Bài tập 1 : Đọc yêu cầu hội ý nhóm đôi giới thiệu lời thuyết minh cho tranh  - Cho HS kể trước lớp  - Chọn bạn kể hay nhất  Bài 2: Thảo luận tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện  **\*Củng cố, dặn dò(2 ph)**  - Về nhà kể lại câu chuyện này cho mọi người nghe.  Tìm 1 câu chuyện ca ngợi hoà bình để chuẩn bị cho tiết học sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS thi kể.  - 16/ 3 / 1968  - Mai-cơ : cựu chiến binh Mỹ  - Tôm-xơn : chỉ huy đội bay  - Côn-bơn : xạ thủ súng máy  - An- đrê-ốt- ta : cơ trưởng (người lái chính trên máy bay)  - Hơ- bớt : anh lính da đen  - Rô- nan: một người lính bền bỉ sưu tầm tài liệu vụ thảm sát .  - Vừa nghe , vừa quan sát tranh .  - Kể theo theo nhóm đôi, trao đổi trong nhóm ý nghĩa của câu chuyện .  - Thi kể chuyện trước lớp .  - HS chọn bạn kể hay nhất .  **Ý nghĩa**: *Ca ngợi người Mỹ có lương tâm dũng cảm đã ngăn chặn và tố cáo tội ác của quân đội Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.*  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Thứ Ba,26/09/2023***

**Toán (tiết 17) :**

**LUYỆN TẬP ( tr.19 )**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1- Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 3, bài 4. HS năng khiếu làm BT2/ 19*

- Rèn kĩ năng giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Tính nhanh nhẹn – trình bày khoa học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán.( Bài 1,3,4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ. Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC*:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (5 phút)**  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi:  + Tiết học trước ta học giải dạng toán nào ?  + Khi giải bài toán có liên quan đến tỉ lệ cùng tăng hoặc cùng giảm ta có mấy cách giải ? Đó là những cách nào?  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Luyện tập thực hành : ( 33 ph )**  *Bài 1/19:( 10 ph )*  - Gọi HS đọc đề, tóm tắt bài toán rồi nêu cách giải.  - GV nhận xét, tuyên dương.  *Bài 2/ 19:* **Dành cho HS năng khiếu .**  *Bài 3/20:( 13 ph )*  - GV gọi HS đọc đề.  - Yêu cầu HS nêu mối quan hệ giữa số HS và số xe.  - GV chấm bài trên bảng, chấm vở.  *Bài 4/20:( 10 ph )*  + Bài toán náy giải theo cách nào?  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3. Củng cố- Dặn dò:** ( 2 ph )  + Có thể giải bài toán quan hệ tỉ lệ bằng những cách nào ?  -GV nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở  **\* ( Nhóm 2 )**  - HS đọc đề, tóm tắt, nêu cách giải (bằng cách “ *rút về đơn vị*”).  - HS trao đổi nhóm đôi🡪 Trình bày.  Tóm tắt:  12 quyển : 24.000 đồng  30 quyển : ? đồng  Bài giải  Giá tiền 1 quyển vở là:  24 000 : 12 = 2 000 (đồng)  Số tiền mua 30 quyển vở là:  2 000 × 30 = 60 000(đồng)  Đáp số: 60 000 đồng.  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc đề, xác định yêu cầu đề,  tóm tắt đề.  - HS nêu.  - HS giải (bằng cách “ *rút về đơn vị*”).  *Một ô tô chở được số học sinh :*  *120 : 3 = 40 ( học sinh )*  *Số ô tô dùng để chở 160 h/ sinh:*  *160 : 40 = 4 (ô tô )*  Đáp số : 4 ô tô  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc đề, nêu yêu cầu  + Giải cách“ rút về đơn vị”  - HS làm bài 🡪 Trình bày.  *Tóm tắt*  *2 ngày : 7200 đồng*  *5 ngày : ?…...đồng*  *Bài giải:*  *Số tiền trả cho 1 ngày công là :*  *72 000 : 2 = 36 000 (đồng)*  *Số tiền trả cho 5 ngày công là :*  *36 000 x 5 = 180 000 (đồng)*  Đáp số : 180.000 đồng  - HS trả lời. |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................…………………………………………………………………………………………

**Khoa học:**

**TỪ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN ĐẾN TUỔI GIÀ**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Xác định được bản thân mình đang ở vào giai đoạn nào?

*-* Nêu được các giai đoạn phát triển của con người từ tuổi vị thành niên đến tuổi già.

2. Phẩm chất, năng lực:

- Thích tìm hiểu về khoa học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1,2,3), năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (HĐ 2, Củng cố, dặn dò).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Thông tin và hình trang 16, 17 SGK.

- HS: Sưu tầm tranh ảnh của người lớn ở các lứa tuổi khác nhau và nghề khác nhau

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Cho học sinh tổ chức chơi trò chơi: bắt thăm các hình 1, 2, 3, 5 của bài 6. Bắt được hình vẽ nào thì nói về lứa tuổi ấy.  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài | - Học sinh trả lời lên bảng bắt thăm về giai đoạn phát triển của cơ thể mà bức ảnh bắt được.  - Học sinh lắng nghe  - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động khám phá: (30 phút) | |
| *\* Hoạt động 1:* *Đặc điểm con người ở*  *từng giai đoạn: vị thành niên, trưởng thành, tuổi già.*  - Chia nhóm: phát cho mỗi nhóm một bộ hình 1, 2, 3, 4 SGK và yêu cầu học sinh quan sát trả lời câu hỏi:  + Tranh minh hoạ giai đoạn nào của con người?  + Nêu một số đặc điểm của con người ở giai đoạn đó?  + Cơ thể con người ở giai đoạn đó phát triển như thế nào?  + Con người có thể làm những việc gì?  - Giáo viên nhận xét.  *\* Hoạt động 2:* *Sưu tầm và giới thiệu người trong ảnh.*  - Giáo viên kiểm tra ảnh của HS chuẩn bị  - Chia nhóm 4: học sinh giới thiệu người trong ảnh mà mình sưu tầm được với các bạn trong nhóm: Họ là ai? Làm nghề gì?  - Họ đang ở giai đoạn nào của cuộc đời, giai đoạn này có đặc điểm gì?  - Yêu cầu học sinh trình bày trước lớp.  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  *\* Hoạt động 3:* *Ích lợi của việc biết được các giai đoạn phát triển của con người.*  - Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi.  - Tổ chức cho học sinh trình bày.  + Chúng ta đang ở giai đoạn nào của cuộc đời?  + Việc biết từng giai đoạn phát triển của con người có lợi ích gì?  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - Em đã làm những gì để chăm sóc ông bà của  em ?  - Nhận xét tiết học. | - Học sinh thảo luận nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi, sau đó cử đại diện báo cáo kết quả.  + Hình 1: Tuổi vị thành niên (Từ 10 – 19 tuổi):  Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con => người lớn thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ về thể chất, tinh thần, tình cảm và mối quan hệ xã hội. Như vậy, tuổi dậy thì nằm trong giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên  + Hình 2-3: Tuổi trưởng thành (Từ 20 – 60 tuổi):  Giai đoạn đầu: tầm vóc, thể lực phát triển nhất,  các cơ quan trong cơ thể hoàn thiện. Lúc này có  thể lập gia đình, chịu trách nhiệm với bản thân,  gia đình và xã hội.  + Hình 4: Tuổi già (Từ 60-65 tuổi trở lên): Cơ thể  dần suy yếu: chức năng hoạt động của các cơ  quan giảm dần. Có thể kéo dài tuổi thọ bắng cách  rèn luyện thân thể, sống điều độ và tham gia các  hoạt động xã hội.  - Học sinh đưa ra các bức ảnh mà mình chuẩn bị  - Học sinh giới thiệu người trong ảnh với các bạn trong nhóm.  - 5 -7 học sinh giới thiệu về người trong bức ảnh mà mình chuẩn bị.  - 2 học sinh cùng bàn trao đổi, thảo luận  - Giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên hay tuổi dậy thì.  - Biết được đặc điểm tuổi dậy thì giúp ta không e ngại, lo sợ về những biến đổi của cơ thể, về thể chất, tinh thần tránh được sự lôi kéo không lành mạnh, giúp ta có chế độ ăn uống, làm việc, học tập phù hợp , để cơ thể phát triển toàn diện.  - HS nêu |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn** Tiết 7 ***LUYỆN TẬP TẢ CẢNH***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

*-* Lập được dàn ý cho bài văn tả ngôi trường đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn được những nét nổi bật để tả ngôi trường.

*-* Dựa vào dàn ý viết được một đoạn văn miêu tả hoàn chỉnh, sắp xếp các chi tiết hợp lí.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của môi trường thiên nhiên, giáo dục bảo vệ môi trường.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( BT1,BT2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Bút dạ, bảng nhóm

- Học sinh: Quan sát cảnh trường học và ghi chép lại.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  **-** Cho HS thi nêu dàn bài chung của bài văn tả cảnh .  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 ph )**  ***Bài 1***: ( HĐ nhóm 2 )  - Nêu y/c đề .  - Cho HS quan sát tranh vẽ cảnh trường.  - Cho HS trình bày dàn ý .  ***Bài 2***: ( HĐ cá nhân )  HD viết đoạn văn .  \* Lưu ý HS: Chọn viết đoạn phần thân bài  **\* Củng cố dặn dò: ( 2 phút )**  - Trong đoạn văn em vừa viết thì em thích nhất hình ảnh nào ? Vì sao ?  -Nhận xét tiết học . | **-** 3 HS thi nêu  - Lập dàn ý tả cảnh ngôi trường  - Cả lớp quan sát  - Trình bày kết quả quan sát của mình.  - Thảo luận nhóm đôivà lập dàn ý chi tiết.  *- Mở bài:*  + Trường em là trường Tiểu học Nguyễn Công Sáu  + Ngôi trường khang trang nằm ở trung tâm xã, ngay sát con đường to trải bê tông phẳng lỳ.  *- Thân bài:* Tả từng phần của trường.  + Nhìn từ xa: ngôi trường xinh xắn hiền hoà dưới những cây cổ thụ.  + Trường: tường sơn màu vàng thật sang trọng.  + Cổng trường sơn màu xanh đậm.  + Sân trường đổ bê tông, lát gạch kiên cố.  + Bàng, phượng, hoa sữa như cái ô khổng lồ che mát sân trường.  Giờ chơi sân trường thật là nhộn nhịp.  + Lớp học : dãy nhà 2 tầng với các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có đèn điện, quạt trần, cửa sổ và cửa ra vào sơn màu xanh rất đẹp.  + Bàn ghế: ngay ngắn gọn gàng.  + Thư viện: có nhiều sách báo.  - *Kết bài*: em yêu quý, tự hào về trường em  - Đại diện nhóm trình bày dàn ý .  - HS nhận xét, bổ sung, sửa chữa.  - Chọn viết một đoạn theo dàn ý  - HS viết đoạn văn , trình bày .  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ Tư,27/09/2023**

**Tập đọc:** Tiết 8 ***BÀI CA VỀ TRÁI ĐẤT***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu nội dung, ý nghĩa : Mọi người hãy sống vì hòa bình , chống chiến tranh , bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc .

- Trả lời các câu hỏi trong SGK

- Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng vui, tự hào .

-Học thuộc 1,2 khổ thơ. Học thuộc ít nhất 1 khổ thơ .

- HS NK học thuộc và đọc diễn cảm được toàn bộ bài thơ .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.( HĐ1 )

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ ( HĐ2, HĐ3, HĐ 4 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

+ GV: - Tranh minh họa bài đọc trong SGK

* Bảng phụ để ghi những câu cần luyện đọc

+ HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với nội dung đọc một đoạn trong bài “Những con sếu bằng giấy” và trả lời câu hỏi trong SGK.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Khám phá: (24 phút)**  **Hoạt động 1:** Đọc văn bản(12 ph)  - HDHS luyện đọc từ ngữ khó  - HD giải thêm từ ngữ:- Bình yên  -Đọc diễn cảm cả bài.  **H/ động 2:** Tìm hiểu nội dung(12 ph)  Câu 1: Hình ảnh trái đất có gì đẹp?    Câu 2: Em hiểu 2 câu thơ cuối khổ 2 nói gì?  Câu 3: Chúng ta phải làm gì để giữ bình yên cho trái đất  - Bài thơ muốn nói với chúng ta điều gì?  - Nêu nội dung bài.  **3. Luyện tập: ( 8 phút )**  **Hoạt động 3: LĐ diễn cảm (4 phút)**  - HD đọc diễn cảm khổ 1.  -Tổ chức thi đọc diễn cảm.  **Hoạt động 4: LĐ HTL ( 4 phút )**  - HS nhẩm HTL Học thuộc 1,2 khổ thơ. HSNK học thuộc toàn bộ bài thơ  - Cho HS đọc thuộc lòng  -GV tổ chức cho HS thi HTL  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Em sẽ làm gì để cho trái đất mãi mãi hòa bình ?  - Liên hệ: Chống chiến tranh……  - Nhận xét tiết học . | - HS chơi trò chơi  - Đọc nối tiếp 3 khổ thơ .  - Luyện đọc từ ngữ khó: trong xanh, quay, màu hoa, giữ bình yên .  - Câu khó: Bom H, bom A ….không già  - Giải nghĩa từ.  + Bình yên: Là đất nước không có chiến tranh.  -Trái đất giống như quả bóng xanh, bay giữa bầu trời xanh: có tiếng chim bồ câu, những cánh hải âu vờn sóng biển  -Mỗi loài hoa có vẻ đẹp riêng nhưng loài hoa nào cũng quý cũng thơm. Cũng như mọi trẻ em trên thế giới dù khác nhau màu da nhưng đều bình đẳng, đều đáng quý, đáng yêu.  -Phải chống chiến tranh, chống bom nguyên tử, bom hạt nhân.Vì chỉ có hoà bình, tiếng hát, tiếng cười mới mang lại sự bình yên, sự trẻ mãi không già cho trái đất.  - Trái đất là của tất cả trẻ em.  - *Mọi người hãy sống vì hòa bình , chống chiến tranh , bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc.*  - Luyện đọc diễn cảm nhóm đôi.  - HS tham gia thi đọc diễn cảm  ( HSNK đọc diễn cảm toàn bài )  - HS nhẩm HTL Học thuộc 1,2 khổ thơ  ( HS năng khiếu học thuộc toàn bài)  -HS thi HTL  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán** (tiết18) :

**ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN** **(t t ) ( tr.20 )**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1- Kiến thức, kĩ năng:** Giúp HS:

- Biết 1 dạng quan hệ tỉ lệ ( đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương đương lại giảm đi bấy nhiêu lần ).

- Biết cách giải bài toán có liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*- Bài tập cần làm: Bài 1. HS năng khiếu làm BT2; BT3/21*

- Rèn kĩ năng giải bài toán có liên quan đến quan hệ tỉ lệ.

**2. Phẩm chất, năng lực:** Cẩn thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học. ( Bài 1 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ. Học sinh: Sách giáo khoa, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: *(3 phút)***  - Cho học sinh hát tập thể  - Giới thiệu bài - Ghi bảng  **2. Khám phá : ( 20 ph )**  **\*HĐ1: *Giới thiệu ví dụ dẫn đến quan hệ tỉ lệ ( 5 ph )***  - GV nêu tỉ lệ trong SGK.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số kg gạo ở mỗi bao | 5  kg | 10 kg | 20 kg | | Số bao gạo | 20 bao | 10 bao | 5 bao |   - GV cho HS quan sát bảng.  - Y/c HS nêu nhận xét.  **\*HĐ2 :*Giới thiệu bài toán và cách giải.***  ***( 15 ph )***  - GV hướng dẫn HS cách giải bài toán theo các bước:  Tóm tắt: 2 ngày : 12 người  4 ngày : ...người  **\*** **Phân tích bài toán để tìm ra cách giải bài toán theo cách** **“Rút về đơn vị”:**  + Muốn đắp xong nền nhà trong 1 ngày thì cần bao nhiêu người (bước “rút về đơn vị”).  + Muốn đắp xong nền nhà trong 4 ngày thì cần bao nhiêu người ?  - Cho HS nhắc lại vài lần về cách giải này.  **\*Phân tích bài toán để tìm ra cách 2 “tìm tỉ số”**  + Thời gian để đắp xong nền nhà tăng lên thì số người cần có sẽ tăng lên hay giảm đi?  + Thời gian gấp lên mấy lần?  + Như vậy số người giảm đi mấy lần?  + Muốn đắp nền nhà trong 4 ngày thì cần bao nhiêu người ?  **- GV nhấn mạnh: (\*) là bước tìm tỉ số**  - Cho HS lặp lại vài lần để nhớ cách giải này.  **3. Luyện tập thực hành: ( 15 ph )**  *Bài 1:( 15 ph )*  - Yêu cầi HS tóm tắt đề toán rồi tìm ra cách giải “rút về đơn vị”  *Tóm tắt: 7 ngày : 10 người*  *5 ngày : ...người ?*  *Bài 2; 3:* **Dành cho HS năng khiếu**  **3.Củng cố và dặn dò**: ( 2 ph )  - GV nhận xét tiết học – dặn dò. | - HS hát  - HS viết vở  - HS tự tìm kết quả số bao gạo có được khi chia hết 100kg gạo vào các bao, mỗi bao đựng 5kg, 10kg, 20kg rồi điền vào bảng.  - HS thảo luận nhóm đôi. Rút ra nhận xét và nhắc nhiều lần.  ***\**** *Khi số gạo ở mỗi bao gấp lên bao nhiêu lần thì số bao gạo có được lại giảm đi bấy nhiêu lần.*  12 × 2 = 24 (người)  24 : 4 = 6(người)  + giảm đi.  + 4 ngày gấp 2 ngày số lần là:  4 : 2 = 2 (lần) (\*)  + 2 lần  + 12 : 2 = 6(người)  - HS lặp lại vài lần để nhớ cách giải này.  **\* ( Cá nhân )**  - HS làm bài    *Giải*  *Muốn làm xong công việc trong 1 ngày thì cần: 10 × 7= 70(người)*  *Muốn làm xong công việc trong 5 ngày cần*  *70 : 5= 14(người)*  Đáp số : 14 người |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................…………………………………………………………………………………………

**Thứ Năm,28/9/2023**

**Toán** (tiết19 ) :

**LUYỆN TẬP ( tr. 21 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết giải toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.* HS năng khiếu làm BT3; 4/ 21

- Rèn kĩ năng giải toán liên quan đến tỉ lệ.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Thích học toán, giải toán.

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. ( Bài 1,2 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**- GV: SGK, bảng phụ**

**- HS : SGK, vở , bảng con**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của dạy GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1. Khởi động: *(5 phút)***  - Chơi trò chơi: *Trời - Đất- Nước* (GV hô Trời, HS phải nêu tên được 1 con vật sống trên trời, hô Cá, HS phải nói được là Nước,...)  - Nêu các bước giải dạng toán quan hệ tỉ lệ .  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng.**2. Luyện tập thực hành : ( 33 ph )**  *Bài 1:( 13 ph )*  *-* Y/c HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS tóm tắt rồi giải bài toán theo cách “tìm tỉ số”. GV chấm số bài và nhận xét.  *Bài 2:* ( 20 ph )  - Y/c HS đọc đề bài.  - GV gợi ý để HS tìm cách giải bài toán ( trước hết tìm số tiền thu nhập bình quân hằng tháng khi có thêm 1 con, sau đó tìm số tiền thu nhập bình quân hằng tháng bị giảm đi bao nhiêu?) .  - GV nhận xét sửa chữa  \*Liên hệ với giáo dục dân số  *Bài 3;4:***Dành cho HS năng khiếu**  **3. Củng cố và dặn dò: ( 2 ph )**  **-** Nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS tham gia trò chơi để tạo không khí vui vẻ trước khi vào giờ học.  - 2 học sinh nêu  - HS ghi vở  **\* ( Cá nhân )**  - HS đọc đề bài.  - HS làm bài  *Tóm tắt:*  *3000 đồng/1 quyển : 25 quyển*  *1500 đồng/1 quyển : ? quyển*  *Bài giải*  *3000 đồng gấp 1500 dồng số lần:*  *3000 : 1500 = 2 (lần)*  *Nếu mua vở với giá 1500 đồng 1 quyển thì mua được số quyển vở:*  *25 × 2 = 50 (quyển)*  *Đáp số : 50 quyển*  **\* ( Nhóm 4 )**  - HS đọc đề bài.  - HS thảo luận nhóm 4, làm bài.  *- Với gia đình có 3 người thì tổng thu nhập của gia đình là:*  *800000 × 3 = 2400000(đồng)*  *- Với gia đình có 4 người( bố, mẹ và 2 con) mà tổng thu nhập không đổi thì bình quân hằng tháng thu nhập của mỗi người là:*  *2400000: 4 = 600000 (đồng)*  *Như vậy bình quân thu nhập hằng tháng của mỗi người bị giảm đi:*  *800000–600000= 200000(đồng).*  *Đáp số : 200000(đồng).* |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………………

**Luyện từ và câu:** Tiết 8 ***LUYỆN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA***

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm được các từ trái nghĩa theo yêu cầu của BT1 , BT2 ( 3 trong số 4 câu ) , BT3.

- Biết tìm những từ trái nghĩa để miêu tả theo yêu cầu của BT4 ( chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý : a, b, c, d ) ; đặt được câu để phân biệt 1 cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT4 ( BT5) .

- HSNK thuộc 4 thành ngữ, tục ngữ ở BT1, làm toàn bộ BT4.

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Yêu thích môn học, vận dụng vào cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.( BT1,2,3,4,5 )

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

+ GV: Từ điển học sinh.

- Bút dạ, 3 tờ phiếu viết nội dung BT1,2,3 .

+ HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Cho HS tổ chức trò chơi "Truyền điện" với các câu hỏi:  + Thế nào là từ trái nghĩa ?  + Từ trái nghĩa có tác dụng gì ?  + Đặt câu với một cặp từ trái nghĩa ?  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 phút)**  Bài 1 : ( HĐ cá nhân )  - Cho HS nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  - HSNK học thuộc 4 câu thành ngữ, tục ngữ.  Bài 2: ( HĐ nhóm đôi )  - Cho HS nêu yêu cầu đề.  - Cho HS làm bài .  Bài 3 : ( HĐ nhóm 4 )  - Cho HS nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài .  Bài 4 :( HĐ cá nhân )  (chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý : a, b, c, d ). **HS** năng khiếu **làm hết**  a)Tả hình dáng:  b)Tả hành động:  c)Tả trạng thái:  c)Tả phẩm chất:  Bài 5: - Cho HS nêu yêu cầu đề.  - Cho HS làm bài .  \*Có thể đặt một câu chứa cả cặp từ trái nghĩa; có thể đặt 2 câu mỗi câu chứa 1 một từ  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Thế nào là từ trái nghĩa?  - GV nhận xét tiết dạy. | - Học sinh chơi trò chơi  - Tìm từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ  -Thảo luận nhóm đôi .  +Ăn **ít** ngon **nhiều.**  **+**Ba **chìm** bảy **nổi.**  **+**Nắng chóng **trưa** , mưa chóng **tối.**  +Yêu **trẻ,** trẻ đến nhà; kính **già,** già để tuổi cho.  - Điền vào mỗi ô trống 1 từ trái nghĩa với từ in đậm .  a- lớn , b- già , c- dưới , d-sống  - Tìm từ trái nghĩa thích hợp với mỗi ô trống  - Thảo luận nhóm 4  a- nhỏ , b- vụng , c- khuya.    + cao / thấp ; cao / lùn ; cao vống/ lùn tịt  béo / gầy ; mập /ốm ; béo múp/ gầy nhom.  + khóc / cười ; đứng / ngồi ; lên / xuống…  + buồn / vui; lạc quan / bi quan….  sướng / khổ ; vui sướng / đau khổ ….  + tốt / xấu ; hiền /dữ ; lành / ác ; ngoan / hư ;  khiêm tốn / kiêu căng ; hèn nhát / dũng cảm ;  thật thà / dối trá; trung thành / phản bội ; cao thượng / hèn hạ ;…..  - Đặt câu để phân biệt các từ trong 1 cặp từ trái nghĩa.  - Làm vở bài tập  + Con chó Cún nhà em **béo múp**. Chú Vàng nhà Hương thì **gầy nhom.**  + Đáng quý nhất là **thật thà**, còn **dối trá** thì chẳng ai ưa.  - HS chia sẻ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

**SÔNG NGÒI**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nêu được một số đặc điểm chính và vai trò của sông ngòi Việt Nam.

- Xác lập được mối quan hệ địa lí đơn giản giữa khí hậu và sông ngòi.

- Chỉ được vị trí một số con sông: Hồng, Thái Bình, Tiền, Hậu, Đồng Nai, Mã, Cả trên bản đồ (lược đồ).

- Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

- Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp.

- HSNK:

+ Giải thích được vì sao sông ở miền Trung ngắn và dốc .

+ Biết những ảnh hưởng do nước sông lên, xuống theo mùa ảnh hưởng tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta .

- Sử dụng điện và nước tiết kiệm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

2. Phẩm chất, năng lực:

- Giáo dục học sinh lòng yêu quê hương đất nước qua việc nắm rõ đặc điểm địa lý Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1,2), năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn (HĐ 3, củng cố dặn dò).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bản đồ địa lý Việt Nam, tranh ảnh về sông mùa lũ và mùa cạn.

- HS: SGK, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi:  + Nước ta thuộc đới khí hậu nào ?  + Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta?  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi bảng |
| 2. Hoạt động khám phá: (30 phút) | |
| *\* Hoạt động 1: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc.*  - Giáo viên treo lược đồ sông ngòi Việt Nam, giao nhiệm vụ cho HS quan sát, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  + Đây là lược đồ gì ? Lược đồ này dùng để làm gì ?  + Nước ta có nhiều hay ít sông? Phân bố ở đâu? Em có nhận xét gì về hệ thống sông ngòi ở Việt Nam?  *- Kết luận:* nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, phân bố ở khắp đất nước.  + Kể tên và chỉ tên trên lược đồ vị trí của các con sông?  - Giáo viên lưu ý học sinh dùng que chỉ các con sông theo dòng chảy từ nguồn tới biển (không chỉ vào 1 điểm)  + Sông ngòi miền Trung có đặc điểm gì?  + Vì sao sông ngòi miền Trung lại có đặc điểm đó?  - Địa phương em có dòng sông nào?  - Em có nhận xét gì về sông ngòi Việt Nam?  - Giáo viên tóm tắt nội dung, kết luận  \**Hoạt động 2: Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa, sông có nhiều phù sa*  - Chia HS thành 4 nhóm: yêu cầu thảo luận nhóm hoàn thành bảng thống kê  - Giáo viên sửa chữa, hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh.  - Lượng nước trên sông phụ thuộc vào yếu tố nào của khí hậu?  - Mực nước của sông vào mùa lũ, khô có khác nhau không? Tại sao?  *\* Hoạt động 3: Vai trò của sông ngòi.*  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi tiếp sức kể về vai trò của sông ngòi?  - GV theo dõi, sửa sai.  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ do sông nào bồi đắp?  - Kể tên một số nhà máy thuỷ điện của nước ta?  - Nhận xét tiết học. | - Nhóm trưởng điều khiển nhóm quan sát, trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ trước lớp.  + Lược đồ sông ngòi Việt Nam dùng để nhận xét về sông ngòi của nước ta  + Nước ta có nhiều sông, phân bố ở khắp đất nước.  - Các sông lớn:  + Miền Bắc: sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình.  + Miền Nam: sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai.  + Miền Trung: sông Mã, sông Cả, sông Đà Rằng  - Ngắn, dốc do miền Trung hẹp ngang, địa hình có độ đốc lớn.  - Sông Vu Gia  - Dày đặc, phân bố khắp đất nước  - Các nhóm thảo luận, hoàn thành bảng:  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.  - Phụ thuộc vào lượng mưa.  - Mùa mưa: mưa nhiều, mưa to, nước sông dâng cao.  - Mùa khô: ít mưa, nước sông hạ thấp, trơ lòng.  - Mùa mưa nước sông có màu đỏ đó là phù sa.  - HS chơi trò chơi tiếp sức  1. Bồi đắp nên nhiều đồng bằng.  2. Cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất.  3. Là nguồn thuỷ điện  4. Là đường giao thông.  5. Là nơi cung cấp thuỷ sản: tôm, cá  6. Là nơi phát triển nuôi trồng thuỷ sản  - Sông Hồng và sông Cửu Long  - Hòa bình, Thác Bà, Y-a-li.... |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**VỆ SINH Ở TUỔI DẬY THÌ**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

*-* Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì.

-Thực hiện vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì.

*-* Có ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể.

- Tích hợp nội dung “ Vi khuẩn”.

- Kể tên được bệnh ở người do vi khuẩn gây ra, nêu được nguyên nhân gây bệnh và cách phòng tránh.

2. Phẩm chất, năng lực:

- Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác (HĐ 1,2), năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (Củng cố, dặn dò).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Hình minh hoạ trang 18, 19 SGK; phiếu học tập

- HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với nội dung sau:  + Nêu các giai đoạn phát triển của con người ?  + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn vị thành niên?  + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn trưởng thành?  + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn tuổi già?  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài | - Học sinh chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động khám phá: (30 phút) | |
| *\* Hoạt động 1: Những việc nên làm để giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì*  - Cho HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi:  + Em làm gì để giữ vệ sinh cơ thể ?  - KL: Tuổi dậy thì bộ phận sinh dục phát triển, nữ có kinh nguyệt, nam có hiện tượng xuất tinh, cần vệ sinh sạch sẽ và đúng cách  - Phát phiếu học tập cho học sinh. Lưu ý phiếu của học sinh nam riêng, học sinh nữ riêng  - Yêu cầu học sinh đọc và tự làm bài.  - Trình bày kết quả  - Giáo viên nhận xét rút ra kết luận  *\* Hoạt động 2:* *Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì*.  - Chia 4 nhóm  - Yêu cầu học sinh thảo luận tìm những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ về thể chất, tinh thần ở tuổi dậy thì?  - Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả thảo luận.  - GV chốt: Ở tuổi dậy thì, chúng ta cần ăn uống đủ chất, tăng cường luyện tập TDTT, vui chơi giải trí lành mạnh; tuyệt đối không sử dụng các chất gây nghiện như thuốc lá, rượu…; không xem phim ảnh hoặc sách báo không lành mạnh  - Giáo viên nhận xét, khen ngợi.  - Nêu các bệnh ở người do vi khuẩn gây ra?  - Nguyên nhân gây ra bệnh do vi khuẩn và cách phòng tránh?  \* Củng cố, dặn dò (3 phút)  - Nếu bạn bè rủ em hút thuốc thì em sẽ làm gì ?  - Nhận xét tiết học. | - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi.  + Thường xuyên tắm giặt gội đầu.  + Thường xuyên thay quần lót.  + Thường xuyên rửa bộ phận sinh dục  - Học sinh nhận phiếu  - Học sinh tự làm bài.  - HS trình bày kết quả  - 1 học sinh đọc mục: bạn cần biết  - Thảo luận nhóm.  - Học sinh quan sát trang19 SGK và dựa vào hiểu biết thực tế của mình trả lời  - HS báo cáo kết quả  - HS nghe  - Bệnh cảm cúm, bệnh tay chân miệng....  - Ho, hắt xì, qua đường tình dục....  - Bảo vệ môi trường, tập thể dục nâng cao sức khỏe,...  - HS trả lời |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC .......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HĐTT: CSM: Đôi mắt và cách chăm sóc( tiết 1)**

**Tập làm văn** Tiết 8 ***TẢ CẢNH***

( Kiểm tra viết )

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Viết được bài văn tả cảnh hoàn chỉnh có đủ 3 phần ( mở bài , thân bài , kết bài ) , thể hiện rõ sự quan sát và chọn lọc chi tiết miêu tả .

- Diễn đạt thành câu ; bước đầu biết dùng từ ngữ , hình ảnh gợi tả trong bài văn .

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

+ GV: - Tranh minh họa như nội dung kiểm tra trong SGK.

* Bảng lớp viết đề bài , cấu tạo của bài văn tả cảnh .

+ HS: Vở, viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:(4 phút)**  - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:  - Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh ?  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập, thực hành (32 phút )**  a/ HD tìm hiểu đề bài .  - Đọc đề , nêu yêu cầu .    - Dặn dò cách trình bày, cách viết dựa trên dàn bài đã chuẩn bị, tư thế ngồi viết.  b/ HD thực hành  - Cho HS chọn và viết một bài .  - Theo dõi, nhắc nhở ; giúp đỡ HS chậm  - Thu bài .  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS .  - Về nhà chọn một đề bài khác trong 3 đề trên để tả.  - Đọc trước bài *Luyện tập làm báo cáo thống kê.* | - HS chuẩn bị bài  - Học sinh trình bày  -Tả cảnh một buổi sáng (hoặc trưa, chiều) trong một vườn cây (hay trong công viên, trên đường phố, trên cánh đồng, nương rẫy)  -Tả một cơn mưa.  -Tả ngôi nhà của em (hoặc căn hộ, phòng ở của gia đình em).  - Nhắc lại cấu tạo của bài văn tả cảnh .  - Cả lớp viết bài vào vở .  - Nộp bài  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kỹ thuật:**

**SỬ DỤNG TỦ LẠNH ( Tiết 2)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào quá trình sử dụng tủ lạnh trong gia đình đảm bảo đúng cách và an toàn.

- Rèn kỹ năng làm việc nhóm. Mạnh dạn trình bày ý kiến của cá nhân.

2. Phẩm chất, năng lực:

- Có ý thức sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (HĐ 1,2).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài giảng điện tử.

- HS: Vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Hoạt động khởi động: (10 phút) | |
| - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Sử dụng tủ lạnh thế nào là đúng cách và an toàn?  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài. | - HS suy nghĩ, trả lời  - HS ghi vở |
| 2. Hoạt động khám phá: (30 phút) | |
| *\* Hoạt động 1: Thực hành để thực phẩm đúng*  *cách và an toàn*  - GV đưa ra một số loại thực phẩm cho HS thảo luận nhóm các thực phẩm để vào vị trí nào trong  tủ lạnh cho đúng.  - Yêu cầu HS trình bày.  - Yêu cầu các nhóm trình bày.  *\* Hoạt động 2: Xử lý tình huống*  *-*  GV đưa ra các tình huống sử dụng tủ lạnh trong thực tế để nhóm HS thảo luận và đưa ra phương án xử lí phù hợp.  *a. Hoa và Dũng giúp mẹ cất thực phẩm vừa đi chợ vào trong tủ lạnh. Hai anh em tranh luận cách sắp xếp thực phẩm trong tủ lạnh.*  Dũng: Cứ cho hết thực phẩm vào trong tủ lạnh vì chỗ nào nhiệt độ cũng như nhau nên không ảnh hưởng.  Hoa: Phải bọc thực phẩm hoặc cho vào hộp có nắp, rồi mới để thực phẩm vào những khu vực riêng  *b. Các loại thực phẩm nặng mùi như mít, sầu riêng nên bảo quản trong tủ lạnh như thế nào?*  - Yêu cầu các nhóm trình bày.  \* Củng cố, dặn dò (2 phút)  - GV chốt lại kiến thức cần nắm.  - Nhận xét tiết học. | - HS làm việc nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung nếu thiếu.  - Nhóm thông nhất câu trả lời  *+ Cá/ cánh gà:* có thể để ngăn đá (2) nếu cần bảo quản lâu dài hoặc để ở ngăn mát thực phẩm sống (3) nếu sử dụng trong ngày.  + *Sữa, nước cam, tương ớt*… để ở khau cửa ngăn mát (6)  + *Sữa chua, bánh mì, thức ăn đã chế biến*.. để ở ngăn mát (4)  + *Trứng* để ở khay đựng trứng (7)  + *Hoa quả, rau củ quả* để ở ngăn đựng rau quả (5)  *+ Đá viên…* để ở ngăn làm đá (1)  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.  - HS lắng nghe |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu 29/09/2023**

**Toán** (tiết 20):

**LUYỆN TẬP CHUNG ( tr.22 )**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức kĩ năng :**

- Biết giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ bằng 2 cách: Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.* *HS năng khiếu làm BT4/ 22*

- Rèn kĩ năng giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ bằng 2 cách: Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

**2. Phẩm chất, năng lực :**

- Yêu thích học toán, cẩn thận, chính xác.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạycủa GV** | **Hoạt động học của HS** |
| **1. Khởi động: *(5 phút)***  - Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Truyền điện" nêu nhanh các bước giải dạng toán quan hệ tỉ lệ .  - Cho HS thi làm bài tập  \* Có 94.500 đồng mua được 21 quyển vở. Hỏi có 45.000 đồng mua được bao nhiêu quyển vở như thế?  - Nhận xét  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài  **2. Luyện tập thực hành: ( 33 ph )**  *Bài 1:( 13 ph )*  *-* Gọi HS đọc đề  - GV yêu cầu HS nêu dạng của bài toán.  - GV yêu cầu HS nêu bước giải.  - Y/c HS vẽ sơ đồ và giải bài toán :  - Nhận xét.  *Bài 2:( 10 ph )*  **-** Gọi HS đọc đề.  - GV yêu cầu HS nêu dạng của bài toán và nêu các bước giải.  - Yêu cầu HS phân tích đề bài để thấy được: Trước hết tính chiều dài, chiều rộng hình chữ nhật (theo bài toán “Tìm hai số biết hiệu và tỉ của hai số đó). Sau đó tính chu vi hình chữ nhật (theo kích thước đã biết).  - Y/c HS vẽ sơ đồ và giải bài toán :  *Bài 3:* ( 10 ph )  **-** Gọi HS đọc đề  - GV y/cầu HS tóm tắt, làm bài  *Bài 4:* **(Dành cho HS năng khiếu )**  **3. Củng cố , dặn dò : ( 2 ph )**  - GV nhận xét tiết học – Dặn dò. | - HS chơi trò chơi.  - 2 HS thi làm bài tập .  **\* ( Cá nhân )**  - 1 HS đọc đề bài ,cả lớp đọc thầm đề.  - Bài toán thuộc dạng tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó (Tổng 28 ,tỉ số 2/5)  - HS nêu.  *Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau :*  *2 + 5 = 7 ( phần )*  *Số HS nam là : 28 : 7 x 2 = 8 (HS)*  *Số HS nữ là: 28 - 8 = 20 (HS)*  **\* ( Nhóm 4 )**  - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm đề.  - HS thảo luận, vẽ sơ đồ và giải:  *Ch.dài : 15m*  *Ch.rộng :*  *Theo sơ đồ, hiệu số phần bằng nhau :*  *2 - 1 = 1 (phần )*  *-Chiều rộng :15 : 1 x 1 =15 (m)*  *-Chiều dài : 15 +15 =30 (m )*  *-Chu vi : 15 +30 x 2 = 90 (m )*  **\* ( Cá nhân )**  - 1 HS đọc đề bài ,cả lớp đọc thầm đề.  - HS tóm tắt, làm bài.  *Tóm tắt : 100 km : 12 lít xăng*  *50 km : .... lít xăng ?*  *100 lít xăng gấp 50 lít xăng số lần là :*  *100 : 50 = 2 (lần )*  *Ô tô đi quãng đường 50 km hết số lít xăng là:*  *12 : 2 = 6 (lít )*  Đáp số : 6 lít xăng |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................

…………………………………………………………………………………………

**HĐTT : Đọc sách**

**Đạo đức:**

**CÓ CHÍ THÌ NÊN (Tiết 2)**

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Học sinh biết được cuộc sống con người luôn phải đối mặt với những khó khăn thử thách. Nhưng nếu có ý chí quyết tâm và biết tìm kiếm sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người tin cậy thì sẽ có thể vượt qua được những khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

- Học sinh biết phân tích những thuận lợi, khó khăn của mình; lập được “Kế hoạch vượt khó” của bản thân.

2. Phẩm chất, năng lực:

- Cảm phục những tấm gương có ý chí vượt lên những khó khăn của số phận để trở thành những người có ích cho xã hội.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn (HĐ 1,2,3).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của một số HS trong lớp, trường.

- HS: Tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của một số bạn HS trong lớp, trường.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Yêu cầu HS hát.  - Giới thiệu bài. | - HS hát  - Ghi vở |
| 2. Hoạt động luyện tập, thực hành (30 phút) | |
| *\* Hoạt động 1: Thảo luận nhóm làm BT3*  - Hãy kể lại cho các bạn trong nhóm cùng nghe về một tấm gương “Có chí thì nên” mà em biết.  - GV gợi ý để HS phát hiện những bạn có khó khăn ở ngay trong lớp mình, trường mình và có kế hoạch để giúp đỡ bạn vượt khó.  *\* Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tự liên hệ (bài tập 4, SGK)*  - Nêu yêu cầu  - GV nhận xét.  - GV kết luận: Phần lớn học sinh của lớp có rất nhiều thuận lợi. Đó là hạnh phúc, các em phải biết quí trọng nó. Tuy nhiên, ai cũng có khó khăn riêng của mình, nhất là về việc học tập. Nếu có ý chí vươn lên, cô tin chắc các em sẽ chiến thắng được những khó khăn đó.  *\* Hoạt động 3: Hoạt động cả lớp*  - Tập hát 1 đoạn:  “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông” (2 lần).  - Tìm câu ca dao, tục ngữ có ý nghĩa giống như “Có chí thì nên”.  \* Củng cố, dặn dò (2 phút)  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò. | - HS làm việc cá nhân, kể cho nhau nghe về các tấm gương mà mình đã biết.  - Tự phân tích thuận lợi, khó khăn của bản thân  - Trao đổi hoàn cảnh thuận lợi, khó khăn của mình với nhóm  - Mỗi nhóm chọn 1 bạn có nhiều khó khăn nhất trình bày với lớp  - HS kết luận  - HS tập và hát  - HS trả lời |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................